

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM RẼM THÁNG GIÊNG

VĂN MẪU 7

Đề bài: Phân tích tác phẩm Rẻm tháng Giêng

Bài mẫu hay nhất

Rẻm tháng giêng là bài thơ nổi tiếng của Bác, được viết vào đúng rẻm tháng giêng năm 1948 ở chiến khu Việt Bắc. Bài thơ đã cho thấy sự tinh tế của Bác trong cách cảm nhận cảnh sắc thiên nhiên, và tâm hồn thi sĩ hòa quyện với tâm hồn của người chiến sĩ.

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên

Ta có thể hình dung khung cảnh bầu trời cao rộng trong trẻo, nổi bật là nền trời ấy là ánh trăng tỏa rạng, sáng ngời. Bức tranh của Bác gợi nhiều hơn tả, khung cảnh được vẽ rộng mênh mông, với vài nét phác họa đơn sơ, Người chú ý đến toàn cảnh mà ít đi vào miêu tả chi tiết, cụ thể, đây cũng là cách miêu tả phổ biến trong thơ ca cổ điển. Cả dòng thơ thứ hai tràn ngập sức sống mùa xuân, câu thơ mở rộng ở cả hai chiều, chiều rộng xuân giang, chiều cao xuân thiên, khiến cho khung cảnh càng trở nên rộng rãi, khoáng đạt hơn. Đồng thời sử dụng liên tiếp ba chữ xuân cũng cho thấy sức sống mùa xuân đang tràn ngập khắp nơi. Bác như một tao nhân mặc khách, ung dung thưởng thức không khí xuân nhẹ nhàng, yên bình.

Nhưng thật bất ngờ, trong bầu không khí ấy lại đang diễn ra cuộc họp bàn việc quân sự, bàn việc đất nước: Yên ba thâm xứ đàm quân sự. Đối chiếu với nguyên tác ta có thể thấy phần dịch thơ đã không dịch hai chữ “yên ba” có nghĩa là khói sóng. Lược bỏ đi đã làm mất đi cái hư thực, huyền bí của không gian đêm khuya. Ba chữ “đàm quân sự” rất hiện đại và mang âm hưởng của thời đại.

Đặt trong hoàn cảnh đất nước đang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ta càng thấy rõ hơn sự bình tĩnh, chủ động, lạc quan của vị lãnh tụ. Mặc dù vẫn ngày đêm lo nghĩ cho việc nước, nhưng Bác vẫn dành ra chút thời gian ít ỏi để rung cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên. Phong thái ung dung còn được thể hiện trong câu thơ cuối: Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền. Con thuyền của Bác sau khi bàn việc quân tràn ngập ánh trăng, lướt đi phơi phới như đang chở một thuyền trăng trở về.

Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa phong cách cổ điển và phong cách hiện đại. Những thi liệu cổ như con thuyền, vàng trăng,... đã biến Bác thành một thi nhân hòa mình vào thiên nhiên. Không gian núi rừng để đàm đạo quân sự lại đầy chất hiện đại. Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, lời ít ý nhiều, tạo sức gợi cho ngôn từ và hình ảnh.

Bài thơ với ngôn ngữ cô đọng, chất lọc tinh tế đã cho ta thấy Bác ở những chiều kích khác nhau. Đó là một tâm hồn yêu thiên nhiên, rung cảm trước vẻ đẹp của vạn vật khi xuân sang. Không chỉ vậy, đó còn là tâm hồn của một chiến sĩ, luôn ngày đêm lo lắng cho sự nghiệp cứu nước, nhưng hơn hết vẫn thể hiện được phong thái ung dung, lạc quan trong cuộc đời kháng chiến đầy gian khổ.

Bài mẫu 1

Có lẽ trăng là đối tượng muôn đời của thi sĩ. Ánh sáng lung linh, huyền diệu thanh thoát và dịu hiền của trăng rất dễ gợi cảm hứng cho thi nhân. Trăng đã từng bàng bạc tỏa sáng những trang thơ trong đôi mắt "biếc rờn" dạt dào say đắm của thi sĩ. Là một nhà thơ yêu thiên nhiên tha thiết, Bác cũng không nằm ngoài qui luật cảm hứng chung ấy của nhân loại. Bác yêu trăng, nâng niu thứ ánh sáng thanh khiết của trăng nên mỗi khi thưởng trăng, Bác thường gửi gắm vào người, bạn tri âm ấy những cảm xúc dạt dào và say đắm của tâm hồn. Hoài Thanh đã từng nhận xét: "Thiên nhiên trong thơ Bác thường chan chứa một niềm vui lớn". Bài thơ viết về trăng nổi tiếng của Bác – bài "Nguyên tiêu" cũng "chan chứa niềm vui lớn" mà Bác trân trọng gửi gắm với tất cả thương yêu.

Ở con người Bác – một con người giản dị, nhưng vẫn luôn luôn tỏa sáng một nhân cách lớn lao, vĩ đại. Bác sống vì lý tưởng cao cả, buồn với nỗi đau lớn, vui với niềm vui lớn nên Bác mang cả "niềm vui lớn" ấy vào trong thơ. Chính vì thế thiên nhiên – "người tình muôn đời của thi sĩ" trong thơ Bác thường được Bác yêu thương gửi gắm nỗi niềm. Và nhất là nói với Bác, trăng vẫn là một người bạn tri âm chia sẻ vui buồn, trăng vốn chiếm một vị trí quan trọng trong sự nghiệp thơ ca Hồ Chí Minh. Trăng cũng thường mang trong mình những nỗi niềm tha thiết, mãnh liệt mà sâu lắng của Người. Bài thơ "Nguyên tiêu" tuyệt đẹp cũng nằm trong nguồn mạch ấy.

Bài thơ chữ Hán nhỏ xinh ấy đã ra đời trong 9 năm kháng chiến Chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc (cụ thể là bài thơ được sáng tác vào mùa xuân năm 1948). Sau chiến thắng Việt Bắc, thu đông 1947, quân dân ta liên tiếp thu được những chiến thắng rực rỡ. Niềm vui thắng trận đã mang đến một niềm phấn khởi, một niềm tin mãnh liệt cho những con người kháng chiến. Trong không khí sôi động phấn chấn ấy, hồn thơ của Bác đã cất cánh, "Nguyên tiêu" đã ra đời như một đóa hoa xuân ngào ngạt và rực rỡ sắc hương. Vì thế, bức tranh thiên nhiên trong bài thơ mang vẻ đẹp tươi tắn, thể hiện sâu sắc niềm vui dào dạt của tâm hồn Bác trong đêm nguyên tiêu lịch sử.

Mở đầu bài thơ là một lời thông báo, một lời nhận xét mang tính hiện thực cao độ:

*"Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên"
(Rằm xuân lồng lộng trăng soi)*

Rằm tháng giêng, trăng đang vào độ tràn đầy, viên mãn nhất. Trăng ở trên đỉnh bầu trời tỏa xuống thế gian một thứ ánh sáng mênh mang, huyền diệu. Có người đã so sánh vàng trăng trong "Rằm tháng giêng" với vàng trăng trong "Phong kiều dạ bạc" của Trương Kế:

*"Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên"*

Một tiếng quạ kêu vang lên thê thiết giữa đêm khuya, một vàng trăng tàn, trăng úa đã gợi dậy cả một nỗi buồn mênh mang, sầu não. Cũng là vàng trăng thiên nhiên ấy nhưng vàng trăng trong "Nguyên tiêu" lại là vàng trăng rực rỡ sắc xuân, tràn đầy "sung mãn".

"Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân"

Không gian bức tranh mở ra mênh mông bát ngát – một không gian ba chiều tràn đầy sức sống mùa xuân. Câu thơ chính đã đánh rơi mất một chữ xuân trong nguyên tác "Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên": sông mùa xuân, nước mùa xuân, tiếp với bầu trời mùa xuân. Ba chữ "xuân" tiếp ứng trong câu thơ như tạc như in cái xuân sắc của đất trời vào hồn người đọc. "Xuân giang", "xuân thủy" hòa với "xuân thiên" tạo nên một mùa xuân bất tận, sức sống bùng lên toàn vũ trụ mênh mông. Giữa sông nước và bầu trời không còn giới hạn mà như hòa quyện vào nhau, chan chứa ánh sáng lấp lánh, vừa tươi đẹp vừa hư ảo như ở chốn bồng lai tiên cảnh. Độ dài rộng của sông nước, độ cao bát ngát của trời xuân như mở rộng ra mãi trong lòng người.

Động từ "tiếp" dựng dậy độ cao của bức tranh khoáng đạt, càng tạo ấn tượng về không gian vũ trụ bao la, hùng vĩ. Điệp từ "xuân" như những nốt nhấn, trong trẻo khiến sức sống bùng lên tỏa lan đất trời. Đêm trăng huyền diệu tràn ngập sức xuân tươi mới ấy tưởng như ở chốn bồng lai, nhưng thật ra đó là vẻ đẹp trần thế ngay giữa cuộc đời, nơi sông nước Việt Bắc – căn cứ địa cuộc kháng chiến chống Pháp thần thánh của dân tộc ta. Tưởng như thi nhân đang mở rộng cõi lòng để thu lấy sắc xuân của tạo vật, của đất trời trong cái nhìn hân hoan, giao cảm lạc quan với thiên nhiên. Đằng sau bức tranh xuân lồng lộng ánh sáng, lồng lộng vẻ đẹp sắc màu của cảnh vật hữu tình chan chứa một điệu xanh bát ngát: xanh lấp lánh "xuân giang", xanh ngọc bích "xuân thủy", xanh thiên thanh của "xuân thiên" (Tạ Đức Hiền), là một tâm hồn trong trẻo, cao đẹp và tràn ngập "một niềm vui lớn". "Xuân" là mùa xuân, là tuổi trẻ, là vẻ đẹp tươi xinh nhưng "xuân" còn là vẻ đẹp, là sức sống mãnh liệt của đất nước ta: trong chiến tranh gian khổ vẫn bùng lên một sức sống mạnh mẽ tiềm tàng, trẻ trung không thể dập tắt được. Hai câu thơ đầu không chỉ mở ra một bức tranh xuân viên mãn với ánh trăng căng trào sức sống mà còn thể hiện tinh tế một niềm cảm xúc tự hào, một niềm vui sướng mênh mông của "một hồn thơ đang rung động giữa một đêm xuân đẹp, một đêm xuân lịch sử, đất nước đang anh dũng kháng chiến" (Tạ Đức Hiền). Vì thế, niềm vui cao cả lớn lao ấy của Bác như truyền vào cảnh khiến cảnh vật tươi mới, dạt dào sự sống hơn bao giờ hết.

Thơ Bác luôn vận động linh hoạt, con người luôn chủ động làm tâm điểm của bức tranh thiên nhiên. Hai câu thơ cuối đã hướng tới con người – chủ thể trữ tình với một niềm vui bất ngát:

*"Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền".*

Một chiếc thuyền bồng bềnh giữa chốn khói sóng mịt mù, giữa nơi núi rừng sâu thẳm. Cảnh tượng nên thơ, hư hư thực thực như ở chốn thần tiên huyền ảo. Người trên thuyền như một tao nhân mặc khách đang giăng thuyền thưởng trăng với "gió trăng chứa một thuyền đầy" (Nguyễn Công Trứ). Cảnh ấy, người ấy tự lâu đã làm rung động biết bao hồn thơ. Nhưng thật bất ngờ, những người khách ở trên thuyền không phải “đàm tâm sự”, cũng không “đàm thế sự” mà là “đàm quân sự” – một công việc có liên quan đến sự sống còn của đất nước đến vận mệnh của dân tộc. Trên con thuyền bồng bềnh nơi sông nước kia không phải là những người ẩn sĩ, thoát tục xa lánh cuộc đời thường xuất hiện trong thơ ca:

*"Thế sự thăng trầm quân mặc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu"
(Việc thế thăng trầm anh chớ hỏi
Mênh mông khói sóng chiếc thuyền câu)*

(Cao Bá Quát)

hay ở câu thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu:

*"Yên ba giang thượng sử nhân sầu"
(Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai)*

"Yên ba thâm xứ" một thi liệu cổ được Bác vận dụng sáng tạo khiến câu thơ phảng phất hương vị Đường thi. Nhưng ba chữ "đàm quân sự" lại khiến vần thơ mang màu sắc, mang không khí của lịch sử, thời đại vẻ đẹp hòa quyện giữa chất cổ điển và chất hiện đại đã tạo cho bức tranh vừa huyền ảo một lớp sương khói vấn vương vừa tái hiện sâu sắc một công việc, trọng đại của bàn chỉ huy cuộc kháng chiến thần thánh nơi căn cứ địa Việt Bắc. Con người ở đây không là ẩn sĩ lánh đời mà là những chiến sĩ bàn bạc việc đời, việc đất nước, nhân dân. Bác đã thay đổi hồn cốt của câu thơ, làm nổi bật lên tâm hồn chiến sĩ cao đẹp: đặt việc nước việc quân lên trên hết. Công việc trọng đại có liên quan đến vận mệnh quốc gia lại được bàn bạc trên con thuyền giữa chốn khói sóng mịt mù vừa rất nên thơ lại vừa rất độc đáo. Cảnh đẹp đầy sức quyến rũ nhưng con người không đắm chìm vào thiên nhiên, không tìm đến thiên nhiên để thoát tục tìm sự nghỉ ngơi trong tâm hồn mà con người vẫn trĩu nặng chất đời. Chỉ đến khi công việc bàn bạc quân sự đã hoàn thành, tâm hồn chiến sĩ mới dành chỗ cho tâm hồn thi sĩ phơi phới bốc men say:

"Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền"

Nửa đêm, khi việc nước đã bàn xong, phương lược kháng chiến đã định, tâm hồn con người đã vui đi lo âu thế sự thì thiên nhiên đã trở về tràn ngập tâm hồn thi nhân với vẻ đẹp đắm say hơn bao giờ hết. Trăng lùa vào thuyền, vào hồn nhà thơ vẩn vít. Trăng dâng đầy lai láng con thuyền khiến con thuyền để "bàn quân sự" vụt biến thành con thuyền thơ đầy ảo mộng. Một hình ảnh thơ tuyệt đẹp đã bay đến hồn thi nhân. Khi công việc đã hoàn thành, tâm hồn Bác mở rộng đón thứ ánh sáng cao khiết của ánh trăng, no nê, thường ngoạn chất xuân sung mãn. Vì thế, thiên nhiên trong bài thơ như hân hoan, trong niềm sáng khoái trong niềm vui thanh thản của người lãnh tụ đã tìm được phương lược kháng chiến để cứu nước. Câu thơ phẳng phát hương vị Đường thi như trong câu thơ của Trương Kế:

*"Cổ Tô thành ngoại Hàn sơn tự
Đạ bán chung thanh đảo khách thuyền"*

(Phong kiều dạ bạc)

Nếu câu thơ của Trương Kế ghi lại thời điểm đêm khuya tĩnh vắng, tâm trạng cô quạnh đơn chiếc của người lữ thứ thì trong "Nguyên tiêu", cũng là nửa đêm nhưng cảnh không tĩnh vắng mà ấm nóng hoạt động của con người, mà sáng bừng ánh sắc của trăng rằm rực rỡ. Trong thơ Bác, trăng là thiên nhiên tươi đẹp, thanh xuân; trăng là người bạn tri âm tri kỉ và trăng cũng là biểu tượng cao đẹp, sáng láng của tự do. Ta đã từng bắt gặp tâm hồn người tù Hồ Chí Minh phá tan song sắt nhà lao Tường Giới Thạch để bay lên giữa bát ngát ánh trăng;

*"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"*

thì giờ đây, giữa Việt Bắc "thủ đô gió ngàn", tâm hồn yêu thiên nhiên, khao khát tự do ấy càng bừng lên mãnh liệt. Trăng chính là hình ảnh tự do. Không còn tâm tôi một, cánh cửa nhà tù, chỉ có con người và ánh trăng làm trung tâm bức tranh phong cảnh. Niềm vui chan chứa trong hình ảnh thiên nhiên tự do, khoáng đạt gieo vào hồn người một cảm xúc trong trẻo đầy chất thơ.

Thơ Bác thường vận động hướng tới ánh sáng như niềm tin mãnh liệt của Bác vào tương lai huy hoàng tươi sáng của ngày mai. Bài thơ kết thúc trong dòng suối trăng lấp lánh rực rỡ, kết trong hình ảnh một con thuyền trăng chan hòa. "Ý tại ngôn ngoại", lời thơ đóng lại nhưng ý thơ mở ra menh mang, niềm vui như tỏa lan vương vấn mãi trong hồn người đọc. Niềm vui có được sau khi việc quân việc nước đã bàn xong, niềm vui có được khi thi nhân say đắm ngắm trăng vàng và tin vào tương lai tươi sáng. Niềm vui ấy cũng có cho con người niềm tin vào sự thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến vĩ đại. Câu thơ tràn đầy niềm lạc quan cách mạng của nhà thơ – vị lãnh tụ tài ba. Và vì thế con thuyền bát

ngát trắng cũng như bát ngát niềm vui cao đẹp tin tưởng vào bình minh sáng rực của dân tộc. Chất lãng mạn cách mạng vút lên từ hiện thực kháng chiến, lâng lâng một niềm vui sáng khoái. Người chiến sĩ vụt biến thành thi sĩ, dễ rồi say sưa trước xuân viên mãn, nhưng vẫn hết lòng với cuộc kháng chiến giành độc lập tự do, giữ mãi đêm trăng rằm mộng mị trên quê hương yên bình. Con thuyền quân sự – con thuyền trăng – con thuyền kháng chiến lướt trên dòng sông trong nguồn sáng rực rỡ là dự báo cuộc kháng chiến nhất định sẽ thắng lợi, con thuyền cách mạng sẽ cập bến vinh quang.

"Nguyên tiêu" là một bài thơ trăng đẹp. Bài thơ man mác phong vị Đường thi nhưng cảnh không buồn rầu như trong thơ cổ mà phơi phới một niềm vui lớn của một tâm hồn cao cả. Sức xưa như tràn ra trong hình ảnh thơ, ánh trăng như lai láng lan cả vào hồn bạn đọc đã thể hiện một tình yêu thiên nhiên tha thiết của một tâm hồn, dù trong kháng chiến gian khổ vẫn lạc quan tin tưởng vào ngày mai. Cảnh vật trong bài thơ thanh nhẹ nhưng lấp lánh niềm vui lớn. Dù thiên nhiên có phảng phất phong vị cổ điển vẫn phơi phới một niềm vui hiện đại, vẫn trĩu nặng chất đời. Trăng trong thơ Bác và trăng của hàng nghìn năm trước vẫn là vàng trăng ấy. Nhưng trăng xưa là trăng buồn, trăng úa, thì trăng trong "Rằm tháng giêng" lại là vàng trăng vui dạt dào sức sống. Vậy thì sự buồn vui đâu phải tự vàng trăng mà nỗi niềm ấy xuất phát từ lòng người. Trăng vui trăng đẹp, trăng trong trăng sáng thanh cao ấy là vì lòng người cũng vui, cũng đẹp, cũng trong sáng như trăng. Qua trăng trong bài thơ Bác, trăng trong "Nguyên tiêu" ta hiểu được vẻ đẹp tâm hồn trong trẻo cao đẹp của Bác chính là vì vậy.

"Thơ là tiếng nói của trái tim đến mỗi trái tim". Niềm vui lớn trong thơ Bác đã tìm được sự đồng điệu trong lòng bao thế hệ. Qua thiên nhiên trong thơ Bác nói chung và thiên nhiên trong "Nguyên tiêu" nói riêng ta hiểu được nhân cách cao cả của người. Cuộc đời cứ trôi đi, nhưng tác phẩm nghệ thuật đích thực, những tâm hồn cao đẹp càng ngời sáng lấp lánh với muôn đời như "cây đời mãi mãi xanh tươi". "Nguyên tiêu" với bức tranh thiên nhiên "chan chứa niềm vui lớn" sẽ mãi là một bông hoa xuân thắm sắc nhịp nhàng sự sống, nâng ấm tình đời như mới hôm qua.

Bài mẫu 2

Nguyên tiêu là bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh được viết trong thời gian kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Sau chiến thắng Việt Bắc, Thu Đông 1947 sang Xuân Hè 1948 quân ta lại thắng lớn trên đường số 4. Niềm vui thắng lợi tràn ngập tiền tuyến, hậu phương. Trong không khí sôi động và phấn chấn ấy bài thơ Nguyên tiêu của Bác Hồ xuất hiện trên báo Cứu quốc như một đoá hoa xuân ngọt ngào rực rỡ sắc hương.

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên

Yên ba thâm xứ đàm quân sự

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền

Mở đầu bài thơ là cảnh tuyệt vời trong đêm nguyên tiêu. Trên bầu trời vàng trắng tròn vành vạnh:

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

(Rằm xuân lồng lộng trăng soi)

Trăng rằm tháng giêng mang vẻ đẹp tươi xinh khác thường vì có hơi thở của mùa xuân. Đêm rằm, trăng sáng ánh trắng lồng lộng dát vàng trên nền trời, phủ khắp chốn trần gian, ánh trăng tràn mọi nẻo... Ánh trăng làm cho cảnh vật mang vẻ đẹp hữu tình lung linh sinh sắc. Đất nước, quê hương bao la một màu xanh bát ngát, màu xanh lấp lánh của xuân giang, dòng sông như được tiếp thêm sức sống mới dưới khí trời mát dịu. Dòng sông trở nên đẹp hơn, hữu tình hơn, dòng sông xanh xuân thủy và tiếp nối với màu xanh của xuân thiên.

Mùa xuân là mùa của chồi non, sự sống. Xuân phơi phới có ở khắp mọi nơi, xuân của dòng sông, dòng nước, không gian cao rộng của bầu trời. Khí xuân tràn ngập sự sống, ba từ xuân làm nổi bật cái thần của cảnh vật, sông nước và bầu trời:

Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên

(Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân)

Xuân trong câu thơ chữ Hán của Bác là mùa xuân, là tuổi trẻ và vẻ đẹp xinh tươi. Nó còn gợi tả màu xanh của sông nước, đất trời vào xuân. Khi vào xuân, con người tạo vật như bừng tỉnh, rạo rực trong cuộc sống mới. Nhà thơ Thanh Hải đã từng cảm nhận mùa xuân của thiên nhiên và đất trời qua những tín hiệu đặc sắc:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc Ôi! Con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng...

(Mùa xuân nho nhỏ)

Xuân đến, tiếng chim hót vang lừng, giọt mùa xuân long lanh do đất trời ban tặng làm cho sự sống rạo rực hơn và bất tận.

Trong câu thơ của Bác xuân còn gợi tả màu xanh của sông nước, trời đất vào xuân, sức sống mãnh liệt, trẻ trung căng tràn nhựa sống. Niềm vui sướng tự hào phơi phới của Bác đang ngây ngất say sưa giữa một đêm xuân đẹp, một đêm xuân lịch sử - đất nước đang anh dũng kháng chiến.

Với Bác, yêu trăng, yêu xuân chính là yêu cuộc đời. Trái tim mênh mông của người chan hoà với thiên nhiên, sông núi, hoa lá cỏ cây thật hữu tình. Có trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa, trăng vào cửa sổ đòi thơ trong niềm vui thắng trận. Và xem sách chim rừng vào cửa đậu - phê văn hoa núi ghé nghiêng soi. Thiên nhiên trong thơ Bác thật phong phú và chan chứa chất thơ.

Đến hai câu thơ cuối, ta thấy cảm nhận về dòng sông, về khói sóng, và con thuyền được nâng lên một mức:

Yên ba thâm xứ đàm quân sự

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền

Nhớ ánh trăng ngày nào khi Bác còn bị giam dưới ngục lạnh nơi đất khách quê người (1942-1943) thì đêm nay - đêm rằm tháng giêng (1948) lại bắt gặp ánh trăng nơi chiến khu Việt Bắc. Con thuyền xuôi mái giữa dòng sông trăng, tựa mạn thuyền người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh đang đàm quân sự. Ánh trăng đêm này là ánh trăng ước hẹn, báo trước những mùa trăng trong năm được nhân dân đón đợi với bao tình cảm nồng hậu. Trăng đêm nay không phải là ánh trăng bình thường trước sân nhà, đầu ngõ. Bác thưởng trăng trên khói sóng, người đang thưởng trăng nguyên tiêu không chỉ mang cốt cách như các bậc tao nhân mặc khách ngày xưa mà còn là con người hành động, người chiến sĩ cộng sản đánh giặc. Vị lãnh tụ đang bàn bạc việc quân trên con thuyền nhẹ lướt giữa sông nước trời xuân đây là trường hợp thưởng trăng rất đặc biệt, yên ba là khói sóng, thi liệu cổ của Đường thi. Vậy là câu thơ có nét cổ điển và có nét hiện đại, chất hiện đại đó chính chất thép, chất chiến đấu của người chiến sĩ cộng sản: Nay ở trong thơ nên có thép - Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Sau quãng thời gian bàn bạc việc quân, đêm đã về khuya, nửa đêm (dạ bán). Con thuyền kháng chiến trở thành con thuyền trăng trên vời sông nước mênh mông:

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền

(Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền)

Hình ảnh nguyệt mãn thuyền gợi cho chúng ta nhớ đến những vần thơ cổ thi hoa lệ:

Thuyền mây lá đông, tây lặng ngất

Một vầng trăng trong vắt lòng sông...

(Bạch Cư Dị)

Nước biếc non xanh thuyền gối bãi

Đêm thanh nguyệt bạc, khách lên lầu

(Nguyễn Trãi)

Trở lại bài thơ Nguyên tiêu ta thấy con thuyền đang trôi nhẹ ẩn hiện sau màn sương khói. Trên chiếc thuyền hình ảnh thi sĩ - chiến sĩ hiện lên thật đẹp đẽ với bàn bạc việc quân trong đêm trăng, tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, quyết chiến đấu giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

Nguyên tiêu là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, mang phong vị Đường thi. Bài thơ có nét thơ cổ thể: con thuyền, trăng, sóng, xuân, nước xuân, trời xuân, khói sóng... điệu thơ thanh nhẹ. Trong khung cảnh ấy chất chiến sĩ là trung tâm. Bài thơ như một đoá hoa xuân, tinh hoa kết tụ tâm hồn trí tuệ, đạo đức Hồ Chí Minh.

Văn là người, thơ là tấm lòng. Bài thơ này thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước, đồng thời bộc lộ tình yêu nước sâu sắc. Cốt cách thi sĩ hoà quyện chất chiến sĩ chất chứa đầy ắp trên chiếc thuyền kháng chiến đang tiến nhanh về bến bờ độc lập tự do.